

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-PT.

Ngày 06/5/2020.

V/v : “Tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2019/TLPT- HNGĐ ngày 30/12/2019 về việc: “ Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐ-PT ngày 21/01/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐ-PT ngày 11/02/2020, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 27/02/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 166/2020/TB-PT ngày 25/3/2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 190/2020/TB-PT ngày 07/4/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983. Có mặt.

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Chị Ngô Thị N1, sinh năm 1988. Xin vắng mặt.

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

* **Người kháng cáo:** nguyên đơn anh Nguyễn Văn N (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

- Anh Nguyễn Văn N trình bày: Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 141/2013 ngày 17/12/2013, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị N1 và anh Nguyễn Văn N, giao cho chị Ngô Thị N1 nuôi con Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 13/8/2011; anh Nguyễn Văn N nuôi con Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/11/2008. Chị N1 và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau khi ly hôn chị N1 bỏ con ở nhà cho bà ngoại nuôi, chị N1 đi đâu anh N không quan tâm. Sau đó được ít ngày gia đình anh N nhận được tin nhắn đón cháu N2 về lúc đó anh N mới biết bà ngoại và gia đình anh, chị em nhà chị N1 đã đối xử tệ bạc với cháu N2 và gói quần áo của cháu N2 cho vào túi nilon đuổi cháu ra đường và nhiều lần bỏ cháu N2 ở trường, ở lớp không đón để cô giáo điện về cho gia đình anh N. Mẹ chị N1 còn nói không phải là con cháu máu mủ nên không có trách nhiệm. Kể từ khi chị N1 đi không hề quan tâm cho con bất kỳ thứ gì. Khi chị N1 đi nước ngoài về cũng không hề hỏi han đến cháu N2. Nay anh N đề nghị Tòa án giao cháu N2 cho anh N nuôi vì cháu N2 đã ở với anh N hơn 05 năm nay, sức khỏe và các điều kiện tốt. Hiện tại anh N làm công nhân thu nhập bình quân 8.000.000đồng/ 1 tháng. Hiện tại anh N đã lấy vợ khác và đã có 01 con gái được hơn 03 tuổi.

- Chị Ngô Thị N1 trình bày: Trước đây chị N1 và anh N là vợ chồng và đã sinh được hai con, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được. Ngày 17/12/2013, Tòa án nhân dân huyện V đã giải quyết cho chị N1 và anh N thuận tình ly hôn đồng thời giao cho chị N1 nuôi con Nguyễn Bảo N2 và giao cho anh N nuôi con Nguyễn Bảo L, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Ngày 27/7/2014 do điều kiện kinh tế gia đình nên chị N1 có gửi con Nguyễn Bảo N2 cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D và các anh, chị, chú bác ở nhà chăm sóc để chị N1 đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Sau khi đi được 30 ngày thì anh N tự ý đến bắt con về nuôi không hỏi ý kiến cũng như được sự đồng ý của chị N1 và gia đình. Từ khi anh N đón con về khoảng tháng 8/2014 cho đến nay anh N và gia đình không cho chị N1 được thăm nom chăm sóc và còn đề nghị các thầy cô không cho chị N1 và gia đình được gặp cháu N2. Nhiều lần chị N1 đến thăm các con thì bị gia đình anh N đánh đập và đuổi ra khỏi nhà. Nay anh N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn chị N1 không nhất trí. Hiện tại chị N1 làm công việc thông dịch, thu nhập bình quân 10.000.000đồng / 1 tháng.

- Tại bản tự khai cháu Nguyễn Bảo N2 trình bày nguyện vọng được ở với bố và anh trai là Nguyễn Bảo L.

* Từ nội dung trên, bản án số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của TAND huyện V đã xét xử, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 58, 68, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với chị Ngô Thị N1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 30/9/2019 nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của anh, giao cho anh được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 13/8/2011.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Bị đơn xin vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong quá trình giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết mà không xem xét đến nguyện vọng của cháu Nguyễn Bảo N2 là không đảm bảo quyền lợi của đương sự và con chung. Chị N1 được giao nuôi con chung nhưng không chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, bỏ con cho bà ngoại ở nhà nuôi để đi nước ngoài.

Chị N1 không đảm bảo điều kiện về nơi ăn ở, không đảm bảo cho con được vui chơi, chăm sóc đầy đủ. Nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố nhưng gia đình chị N1 cố tình bắt cháu đi. Chị N1 không đảm bảo tư cách đạo đức nuôi dạy con vì đã hứa với con là cho tiếp tục ở với bố nhưng đến chiều lại thay đổi cho người bắt cháu đem đi, còn đánh cả bà nội đang đưa đón cháu. Hiện chị N1 đưa cháu N2 đi theo, công việc của chị là phục vụ nhà chùa trên Phú Thọ. Cháu N2 đang học lớp 3 tại Trường tiểu học T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do cô giáo L là chủ nhiệm. Đề nghị Tòa án xác minh nguyện vọng của cháu N2, nếu cháu N2 có nguyện vọng muốn ở với mẹ thì tôi sẽ đồng ý.

Tôi đã được Tòa án công bố nguyện vọng của cháu N2 muốn ở với mẹ nhưng nội dung đơn của cháu là do có sự hướng dẫn chứ cháu không thể biết viết như vậy được, vì thế đơn này không khách quan. Tôi đề nghị xem xét hiện chị N1 không đủ điều kiện nuôi con vì công việc, thu nhập không đảm bảo. Việc sinh hoạt, đi lại, học tập của cháu N2 do các sư sãi của nhà chùa giúp đỡ nên không đảm bảo.

Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm giao cháu N2 cho tôi nuôi dưỡng.

- Chị N1 xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày: Không nhất trí quan điểm của anh N trình bày. Giữ nguyên quan điểm, lời khai đã trình bày

trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án tiếp tục để chị nuôi cháu Nguyễn Bảo N2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung. Kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, được nộp cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 - BLTTDS năm 2015, do đó kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX thấy bị đơn đã có quan điểm trình bày trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của bị đơn không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn N và chị Ngô Thị N1 là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; các đương sự có liên quan đều cư trú tại địa bàn huyện V nên TAND huyện V thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39- BLTTDS năm 2015.

[4]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được thể hiện: anh Nguyễn Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Tòa án nhân dân huyện V thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 3, Điều 28- BLTTDS năm 2015.

[5]. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy: Sau khi ly hôn cháu Nguyễn Bảo N2 được giao cho chị Ngô Thị N1 nuôi dưỡng. Từ tháng

7/2014 chị N1 đi lao động ở nước ngoài có lập văn bản ủy quyền và giao con chung là cháu N2 cho mẹ đẻ trông nom thay. Tháng 8/2014 thì anh N đón cháu N2 về ở cùng với anh và cháu Nguyễn Bảo L (anh trai cháu N2). HĐXX thấy: việc quan tâm, chăm sóc, nuôi dạy các con chung là trách nhiệm chung của anh N, chị N1 theo quy định tại khoản 3, Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm anh N khởi kiện chị N1 đã về nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện điều kiện của các bên và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của con chung. Tuy nhiên anh N không đồng ý, kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm nguyên đơn anh N cho rằng công việc, thu nhập của chị N1 không đảm bảo cho việc nuôi con. Ngoài ra chị N1 đang ở Chùa, việc học tập sinh hoạt của cháu N2 còn phải nhờ các sư sãi trong Chùa đưa đón, hỗ trợ. Tuy nhiên anh N không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh chị N1 không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo N2.

Về quan điểm của cháu Nguyễn Bảo N2 muốn được ở với bố và anh trai, HĐXX thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm anh N cung cấp đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Bảo N2 đề ngày 30/9/2019 về việc muốn ở với bố. Tuy nhiên trong quá trình xét xử phúc thẩm, sau khi Tòa án tạm ngừng phiên tòa để xác minh nguyện vọng của cháu N2 thì ngày 14/4/2020 Tòa án nhận được đơn trình bày đề ngày 09/4/2020 của cháu Nguyễn Bảo N có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Ngô Thị N1. Đơn của cháu N2 có xác nhận của cô giáo chủ nhiệm lớp 3A, Trường tiểu học T, xã T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (đơn có đóng dấu xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường). Như vậy quan điểm, nguyện vọng của cháu Nguyễn Bảo N2 đã có sự thay đổi. Để tránh xáo trộn cuộc sống, đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho cháu Nguyễn Bảo N2, HĐXX thấy cần tiếp tục để chị Ngô Thị N1 nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Bảo N2.

Do vậy HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nêu tại phiên tòa. Cần áp dụng khoản 1, Điều 308- BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của TAND huyện V về việc giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Ngô Thị N1.

[6]. Về chi phí tố tụng: do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148- BLTTDS và khoản 1, Điều 29- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, Điều 308-BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Căn cứ khoản 3, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; khoản 1, Điều 148- Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 58, 68, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1, Điều 29-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với chị Ngô Thị N1.

3. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/ 2012/ 05625 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng